

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 55/2017/HSST

Ngày: 06/9/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Vĩnh Thanh - Hội nông dân quận Ô Môn.

2/. Ông Dương Văn Nghiêm - Giáo viên Trường THPT Lưu Hữu Phước.

-Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Như N, cán bộ Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Đồng Việt Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2017/HSST ngày 09/8/2017 đối với bị cáo:

ĐẶNG VĨNH K, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực B, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 7/12. Cha: Đặng Văn B (sống). Mẹ: Lê Thị Khánh L (sống). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/6/2017, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Vinh Quang là Luật sư – Văn phòng Luật sư Vinh Quang, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bị hại: Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 20/4/2002 – Người giám hộ Ngô Thị A là mẹ ruột cùng trú tại ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Lê Văn S; trú tại ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

2/. Lê Thị Kim T; trú tại khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3/. Lê Thị Khánh L; trú tại khu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

4/. Đặng Văn B; trú tại hu vực B, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

5/. Huỳnh Văn T; trú tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Đặng Vĩnh K bị Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng tháng 3 năm 2017, Đặng Vĩnh K, sinh năm 1992, trú tại khu vực B, phường T, quận M có lên mạng xã hội Facebook và quen với Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 20/4/2002, trú tại ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đến tháng 4 năm 2017 thì cả hai nảy sinh tình cảm yêu thương nhau. Ngày 02/5/2017 khoảng 22 giờ thì N có đến nhà K tại khu vực B, phường T, quận M, cả hai ngủ chung với nhau tại giường ngủ của K, đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/5/2017 sau khi cha mẹ của K đi làm thì cả hai vào phòng ngủ của cha, mẹ K và quan hệ tình dục với nhau một lần. Đến 19 giờ 15 phút cùng ngày, gia đình N đi tìm và phát hiện N đang ở nhà K nên trình báo với Công an phường Thới Hòa.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos 0168 màu trắng gắn sim mobifone có số seri 8401160451612820.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1160/C54B ngày 25/5/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định vào thời điểm tháng 5 năm 2017 Lê Thị Mỹ N có độ tuổi từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng.

Quá trình điều tra, K và N thừa nhận hành vi đã quan hệ tình dục với nhau một lần tại nhà của K, do cả hai cùng tự nguyện không ai ép buộc.

Đối với ông Đặng Văn B và bà Lê Thị Khánh L là cha mẹ ruột của K không biết việc K có quan hệ tình dục với N, nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự, gia đình Lê Thị Mỹ N yêu cầu bồi thường tổn thất sức khỏe và tinh thần của N số tiền 100.000.000đồng (BL 52-53; 58-59).

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 07/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Đặng Vĩnh K về tội “Giao cấu với trẻ em” theo khoản 1 Điều 115 Bộ luật hình sự;

Trước phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và xin được khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại và người đại diện hợp pháp: Yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và đồng thời yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất sức khỏe và tinh thần cho N với số tiền 100.000.000đồng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, vì cho rằng bị cáo là người thành niên đã có hành vi giao cấu với Lê Thị Bé N là người dưới 16 tuổi. Hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần, đề nghị áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo bồi thường tương đương 10 tháng lương cơ sở. Về xử lý vật chứng, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng thống nhất tội danh và điều khoản luật truy tố của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, luật sư cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai khai, ăn năn; phạm tội lần đầu và lỗi thuộc về phía người bị hại. Vì vậy, đề nghị áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo từ 09 đến 12 tháng cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Về bồi thường thiệt hại, phía người bị hại đưa ra yêu cầu là không phù hợp, đề nghị áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc bị cáo bồi thường là phù hợp.

Ngoài ra, giữa người bào chữa cho bị cáo và Kiểm sát viên còn tranh luận đối đáp với nhau xoay quanh về các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt áp dụng đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo, ý kiến của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo Đặng Vĩnh K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tình tiết, tài liệu đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Cho thấy chính bị cáo là người thành niên đã có hành vi quan hệ sinh lý với Lê Thị Mỹ N là có thật, diễn biến hành vi diễn ra như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Xét tại thời điểm xảy ra vụ án người bị hại em Lê Thị Mỹ N sinh ngày 20/4/2002 chưa đủ 16 tuổi, đây là độ tuổi trẻ em. Chính vì vậy, bị cáo Đặng Vĩnh K đã phạm tội “Giao cấu với trẻ em”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 115 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Bản thân bị cáo đã thành niên, đã chính chắn trong nhận thức và điều chỉnh hành vi đúng sai rõ ràng. Biết rõ hành vi trên mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý nhưng vì có lối sống không trong sáng, nên vẫn bất chấp thực hiện, điều đó cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý.

Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo, cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cũng như cho rằng lỗi trong vụ án phần lớn thuộc về người bị hại để đề nghị áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm này là không phù hợp với Điều luật quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự. Bởi vì, tuy bị cáo phạm tội lần đầu, nhưng có khung hình phạt đến 05 năm tù, nên được xác định tội phạm rất nghiêm trọng. Về lỗi trong vụ án, rõ ràng lỗi thuộc về bị cáo như đã phân tích trên bị cáo đã thành niên, đã chính chắn trong nhận thức và điều chỉnh hành vi đúng sai rõ ràng, trong khi đó người bị hại trong vụ án là trẻ em cần phải được bảo vệ. Do vậy, quan điểm của Luật sư đề nghị là không có cơ sở chấp nhận theo như quan điểm của Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục, sức khỏe và sự phát triển bình thường của trẻ em. Mặt khác, đây

là hành vi vi phạm đạo đức, văn hóa con người. Do đó, đối với bị cáo cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và đồng thời qua hình phạt cũng để giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

Qua luận tội của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử có xem xét thái độ khai báo thành khẩn, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình người bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất sức khỏe và tinh thần của N số tiền 100.000.000đồng. Xét thấy yêu cầu này là không phù hợp cần điều chỉnh lại mới đảm bảo trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Căn cứ Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015 trong trường hợp không thỏa thuận được mức bồi thường, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần không quá 10 tháng lương cơ sở. Tại thời điểm xảy ra vụ án thì mức lương cơ sở là 1.210.000đồng/tháng. Do vậy, căn cứ vào mức lương cơ sở như trên để buộc bị cáo bồi thường bằng 10 tháng lương cơ sở cho người bị hại là phù hợp với số tiền 12.100.000đồng ($1.210.000\text{đồng} \times 10\text{ tháng} = 12.100.000\text{đồng}$).

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos 0168 màu trắng gắn sim mobifone có số seri 8401160451612820. Xét đây là tài sản cá nhân của bị cáo, nghĩ nên cho bị cáo được nhận lại là phù hợp.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật. Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Đặng Vĩnh K phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”

Áp dụng:

-Điều 170; Điều 171 Bộ luật tố tụng hình sự;

-Khoản 1 Điều 115; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

-Nghị quyết số 326/2016/UBTV.QH14 ngày 31/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Đặng Vĩnh K 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 09/6/2017.

Về xử trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho em Lê Thị Mỹ N số tiền 12.100.000đồng (Mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Samsung Duos 0168 màu trắng gắn sim mobifone có số seri 8401160451612820.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV.QH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về thời hạn kháng cáo: Áp dụng Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:

- TAND –TP/CT;
- VKSND quận Ô Môn;
- Nhà tạm giữ Công an Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS quận Ô Môn;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng